

Thực trạng và thách thức đối với sự tham gia xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số

Vũ Thị Thanh¹

¹ Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: vuthanh0807@gmail.com

Nhận ngày 8 tháng 2 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 3 năm 2021.

Tóm tắt: Tham gia xã hội góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện của con người. Tuy nhiên, đối với phụ nữ dân tộc thiểu số, sự tham gia xã hội của họ còn hạn chế và gặp nhiều thách thức. Các kết quả nghiên cứu tại Lai Châu cho thấy, phụ nữ dân tộc thiểu số, nhất là phụ nữ dân tộc Hmông ít tham gia và ít có ý kiến phát biểu tại các cuộc họp ở cộng đồng. Có hai nhóm rào cản làm hạn chế việc tham gia các cuộc họp ở địa phương của phụ nữ dân tộc thiểu số: (1) Những rào cản khách quan do gia đình có người khác (thường là đàn ông) đi họp; do phụ nữ không có thời gian và không biết thông tin về các cuộc họp; (2) Những rào cản chủ quan, bao gồm sự hạn chế về năng lực của phụ nữ do họ không biết chữ, không biết tiếng phổ thông; sự thiếu chủ động, tự tin của phụ nữ và quan điểm của họ về vai trò giới.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số, hòa nhập xã hội, tham gia xã hội.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Social participation contributes to the all-round development of people. However, for ethnic minority women, their social participation is still limited and faces many challenges. Research results in Lai Chau Province show that the women, especially those of Hmong ethnic group, seldom participate and raise opinions at community meetings. There are two groups of barriers that limit the participation of ethnic minority women in local meetings: (1) Objective barriers: the attendees at the meeting are often not the women themselves, but male members of the family; they do not have time for and do not know about the meetings; (2) Subjective barriers: their limited capacities resulting from being illiterate and having no command of the Vietnamese language; their lack of proactiveness and self-confidence and their own views on roles of genders.

Keywords: Ethnic minorities, social inclusion, social participation.

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Sự tham gia vào đời sống chính trị - xã hội là một chiều cạnh quan trọng thể hiện sự hòa nhập xã hội [18]. Nghiên cứu của Liên Hợp Quốc về phát triển bao trùm/ phát triển hòa nhập (inclusive development) hướng tới mục tiêu không ai bị bỏ lại phía sau đã coi việc không được tham gia vào đời sống chính trị, dân sự và các quá trình dân chủ là sự thể hiện của việc bị tách biệt xã hội (mặt đối lập của hòa nhập xã hội) [15]. Theo Oxfam, việc các nhóm yếu thế không phản ánh được nhu cầu của họ là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng bất bình đẳng về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ công, như: y tế, giáo dục [7]. Báo cáo về Tiến bộ của phụ nữ thế giới năm 2015-2016 đã chỉ ra rằng, một trong các hành động cần phải thực hiện để đạt được mục tiêu bình đẳng giới là tăng cường tiếng nói và sự tham gia của phụ nữ [12]. Trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Việt Nam, mục tiêu phát triển bền vững về bình đẳng SDG 10.2 đã chú trọng đến sự trao quyền và đẩy mạnh sự tham gia toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội của tất cả các nhóm xã hội không phân biệt giới tính, dân tộc, tình trạng khuyết tật... Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ Việt Nam thúc đẩy việc xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích sự tham gia của mọi người vào các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và thể chế hóa quy chế dân chủ cơ sở [19].

Theo Oxfam và các đối tác, tiếng nói của phụ nữ là một thước đo phản ánh bình đẳng giới [11]. Mặc dù Việt Nam đã ban hành và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở nhưng dường như sự tham gia của nam giới được

chú trọng nhiều hơn và tiếng nói của phụ nữ dân tộc thiểu số (DTTS) vẫn chưa thực sự được phát huy. Nhiều nghiên cứu cho thấy, sự tham gia các hoạt động chính trị, xã hội của phụ nữ Việt Nam nói chung, của phụ nữ DTTS nói riêng còn hạn chế [1]. Điều này làm hạn chế cơ hội phản ánh tiếng nói, nhu cầu của phụ nữ tới các bên liên quan trong quá trình ra quyết định. Đặc biệt, nhận thức của phụ nữ DTTS về quy trình quản trị địa phương và tham gia vào chính trị là thấp hơn so với nam giới DTTS cũng như so với phụ nữ dân tộc Kinh [1], [8]. Yếu tố giới và dân tộc được coi là rào cản kép, hạn chế sự tham gia của phụ nữ DTTS vào trong quá trình ra quyết định ở các cấp [16]. Bài viết này tìm hiểu sự tham gia xã hội của phụ nữ DTTS, trong đó tập trung vào sự tham gia các cuộc họp ở cộng đồng địa phương để phụ nữ có thể phản ánh tiếng nói, nguyện vọng, nhu cầu của mình tới các bên liên quan đối với quá trình ra quyết định tại địa phương. Bài viết dựa trên các kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam 2019-2020: “Nghiên cứu hòa nhập xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số từ cách tiếp cận phát triển con người”. Nghiên cứu được thực hiện tại tỉnh Lai Châu, nơi có đại đa số người dân là đồng bào DTTS (chủ yếu là dân tộc Thái và dân tộc Hmông) và là tỉnh có chỉ số phát triển giới (GDI) thấp nhất cả nước [5, tr.187-190]. Việc phân tích được dựa trên các kết quả khảo sát định lượng bằng bảng hỏi với 200 phụ nữ DTTS, các thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu với cán bộ, phụ nữ và nam giới DTTS tại xã Khoen On và Phúc Than (huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu). Từ việc phân tích thực trạng tham gia các cuộc họp tại địa phương của phụ nữ DTTS, bài viết chỉ ra những rào cản

khách quan và chủ quan làm hạn chế cơ hội và khả năng phụ nữ DTTS tham gia vào các cuộc họp tại địa phương.

2. Thực trạng về việc tham gia các cuộc họp ở cộng đồng địa phương của phụ nữ dân tộc thiểu số

Các nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy, ở nhiều cộng đồng DTTS, nam giới thường là người tham gia các cuộc họp và phụ nữ chỉ tham gia khi người đàn ông trong gia đình vắng nhà [11]. Tương tự như vậy, kết quả khảo sát của đề tài ở Lai Châu cho thấy, mức độ phụ nữ DTTS tham gia các cuộc họp ở địa phương nhìn chung là khá thấp. Tỷ lệ phụ nữ có tần suất tham gia các cuộc họp ở địa phương ở mức “thường xuyên” là 50,8%. Có khoảng 20% phụ nữ cho biết họ “chưa bao giờ” hoặc “ít khi” tham gia các cuộc họp mà chính quyền xã/ thôn bản tổ chức với người dân địa phương. Kết quả so sánh giữa các nhóm cho thấy, phụ nữ dân tộc Hmông có tần suất tham gia các cuộc họp ở địa phương ít hơn so với phụ nữ dân

tộc Thái. Tỷ lệ phụ nữ Hmông đi họp ở mức “thường xuyên” là 25,0% - thấp hơn khoảng 2,5 lần so với tỷ lệ này của phụ nữ Thái (65,4%). Điều này có lẽ bởi nét đặc trưng trong văn hóa của người Hmông là chế độ phụ hệ, gia trưởng [10]. Ở đó, các quyết định quan trọng trong gia đình thường do người đàn ông quyết định [4] và phụ nữ ít có quyền tự quyết [6], [10]. Trong khi đó, đối với dân tộc Thái, mặc dù theo chế độ phụ hệ nhưng trong văn hóa của người Thái có truyền thống tôn trọng phụ nữ, sự thương yêu bình đẳng giữa hai vợ chồng [2, tr.378-467]. So sánh kết quả khảo sát giữa các nhóm phụ nữ tại Lai Châu cũng cho thấy, nhóm phụ nữ DTTS ở độ tuổi thanh niên cũng ít đi họp hơn so với phụ nữ DTTS ở độ tuổi trung niên (tỷ lệ đi họp ở mức “thường xuyên” của nhóm thanh niên là 41,6% và trung niên là 56,6%). Nguyên nhân của tình trạng này là do những phụ nữ trẻ DTTS sau khi kết hôn thường sống chung cùng gia đình chồng. Họ chưa trở thành những người chủ của gia đình và do đó họ ít khi được là đại diện của gia đình để tham gia các cuộc họp tại cộng đồng.

Bảng 1: Tần suất tham gia các cuộc họp ở địa phương chia theo nhóm dân tộc và tuổi (%)

		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Chưa bao giờ
Dân tộc ***	Thái	65,4	29,1	3,9	1,6
	Hmông	25,0	30,6	30,6	13,9
Nhóm tuổi **	Từ 30 tuổi trở xuống	41,6	26,0	26,0	6,5
	Trên 30 tuổi	56,6	32,0	5,7	5,7
Chung		50,8	29,6	13,6	6,0

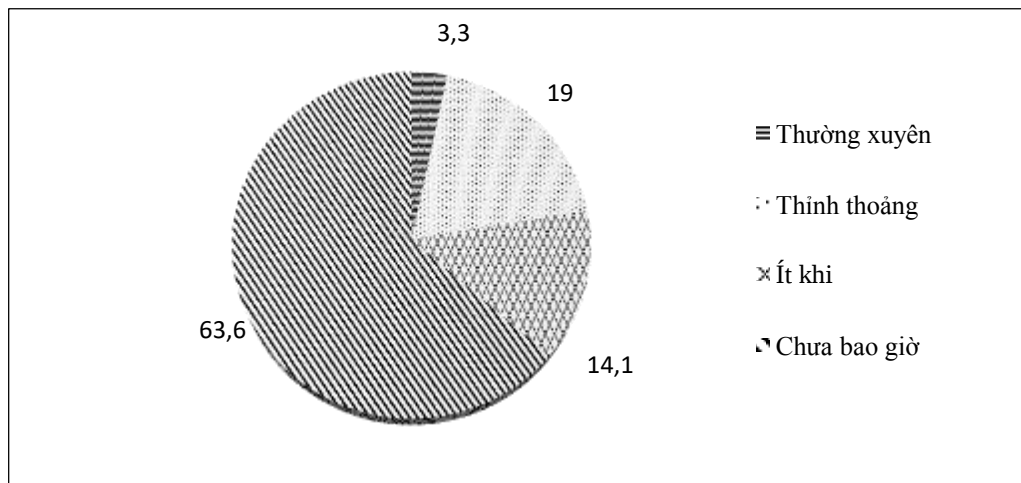
Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài ở Lai Châu năm 2019

Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê ** $P < 0,01$; *** $P < 0,001$

Nghiên cứu của Jones và các cộng sự ở cộng đồng dân tộc Hmông cho thấy, việc thể hiện tiếng nói của mình trong các quyết định của cộng đồng là điều không phổ biến ở phụ nữ Hmông và nó phản ánh sự tách biệt xã hội của họ [10]. Điều này được giải thích là do sự ảnh hưởng bởi các chuẩn mực văn hóa, sự nghèo khó, học vấn thấp. Khi tham gia các cuộc họp, người nam giới ở

cộng đồng DTTS thường phát biểu nhiều hơn so với phụ nữ [11]. Tương đồng với điều này, kết quả nghiên cứu ở Lai Châu cho thấy, khi tham gia cuộc họp ở địa phương, đa số phụ nữ rất ít phát biểu ý kiến. Tỷ lệ phụ nữ “chưa bao giờ” phát biểu tại các cuộc họp chiếm tới 63,6% và tỷ lệ phụ nữ cho biết họ “ít khi” phát biểu tại các cuộc họp là 14,1%.

Hình 1: Mức độ phụ nữ tham gia phát biểu ý kiến tại các cuộc họp ở địa phương (%)



Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài ở Lai Châu năm 2019

Đại đa số phụ nữ dân tộc Hmông được phỏng vấn cho biết, họ không phát biểu ý kiến khi tham gia các cuộc họp ở địa phương. Có tới 93,5% phụ nữ dân tộc Hmông cho biết họ “chưa bao giờ” hoặc “ít khi” phát biểu tại các cuộc họp này (trong khi tỷ lệ này của phụ nữ dân tộc Thái là 66,2%). Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trẻ em gái và phụ nữ người Hmông ít được tham gia vào các quá trình ra quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân họ [9]. Theo Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và các đối tác,

việc thiếu sự đại diện thực chất của phụ nữ trong các cơ quan ra quyết định ở cấp địa phương được cho là gây cản trở khả năng tham gia chính trị, xã hội của phụ nữ [17]. Cán bộ Hội phụ nữ huyện Than Uyên cho biết, những quyết định liên quan đến cộng đồng chủ yếu là do nam giới quyết định và phần lớn lãnh đạo ở các cộng đồng DTTS cũng thường là nam giới.

Mặc dù nhóm phụ nữ ở lứa tuổi thanh niên tham gia các cuộc họp ở địa phương ít hơn so với nhóm phụ nữ trung niên, nhưng sự tham gia của họ vào các cuộc

họp lại có xu hướng tích cực hơn. Điều này thể hiện ở việc họ chủ động phát biểu ý kiến tại các cuộc họp. Tỷ lệ nhóm thanh niên cho biết, họ “thường xuyên” hoặc

“thỉnh thoảng” phát biểu tại cuộc họp ở địa phương (34,9%) - cao gấp hơn hai lần so với tỷ lệ này của nhóm phụ nữ trung niên (15,1%).

Bảng 2: Tần suất tham gia phát biểu ý kiến tại các cuộc họp ở địa phương chia theo nhóm dân tộc và tuổi (%)

		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Chưa bao giờ
Dân tộc **	Thái	5,6	28,2	16,9	49,3
	Hmông	0,0	6,5	16,1	77,4
Nhóm tuổi **	Từ 30 tuổi trở xuống	6,1	28,8	18,2	47,0
	Trên 30 tuổi	1,8	13,3	12,4	72,6

Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài ở Lai Châu năm 2019

Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê ** $P < 0,01$

Theo UN Women, các vùng DTTS Việt Nam, các tổ chức ở địa phương chưa chú trọng đến việc lồng ghép giới và sự tham gia của phụ nữ vào trong quá trình lập kế hoạch. Mặc dù quy chế dân chủ cơ sở được ban hành năm 1998 có hướng tới mục tiêu tăng cường sự tham gia và ý kiến của người dân vào quá trình ra quyết định liên quan đến phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng ở địa phương. Tuy nhiên, phụ nữ DTTS có xu hướng bị gạt ra ngoài lề của quá trình này [13]. Kết quả khảo sát ở Lai Châu cho thấy, phụ nữ DTTS hầu như không tham gia vào các quyết định liên quan đến các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội và cơ sở hạ tầng ở địa phương (tỷ lệ phụ nữ cho biết họ có tham gia bàn bạc để quyết định vấn đề này ở địa phương chỉ chiếm khoảng 5%). Nguyên nhân của tình trạng này là do những người đại diện gia đình tham gia các cuộc họp thường là nam giới do họ là chủ hộ. Nữ giới đôi khi có tham gia nhưng họ thường đơn thuần chỉ nghe mà ít phát

biểu ý kiến hoặc bày tỏ quan điểm của mình. Vì thế, tiếng nói của phụ nữ DTTS ít có cơ hội được phản ánh vào trong quá trình ra quyết định ở địa phương.

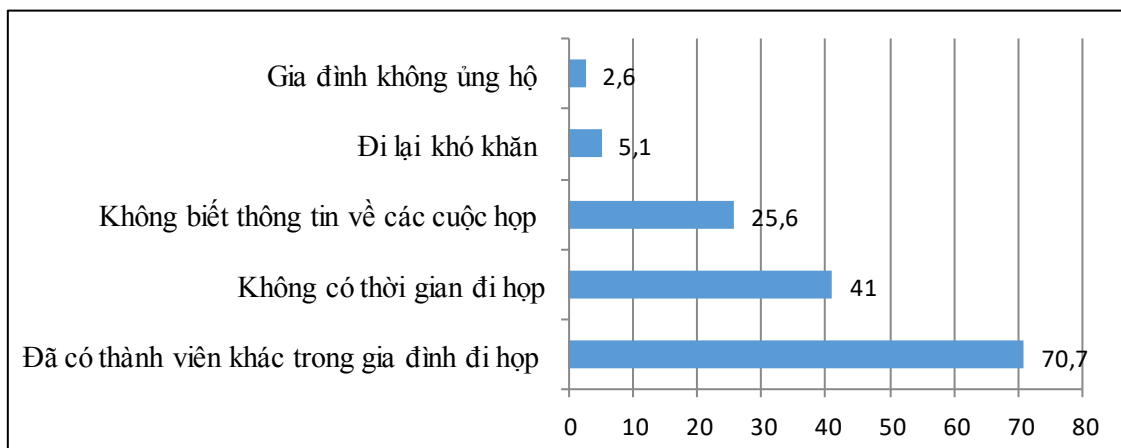
3. Những rào cản đối với sự hòa nhập xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số

Thứ nhất, về các yếu tố khách quan, nghiên cứu này phân tích những yếu tố bên ngoài làm hạn chế cơ hội tham gia vào các cuộc họp tại địa phương của phụ nữ DTTS. Kết quả khảo sát cho thấy, 70,7% phụ nữ ít khi hoặc chưa bao giờ tham gia vào các cuộc họp ở địa phương cho biết, nguyên nhân là do gia đình họ đã có người khác tham gia họp. Khi có các cuộc họp tại địa phương, cán bộ thôn bản thường mời đại diện hộ gia đình (chủ hộ - thường là nam giới) đi họp. Chỉ khi nam giới bận hoặc vắng nhà thì phụ nữ mới đi họp thay. Một cán bộ thôn ở xã

Phúc Than cho biết: “Nếu mà đàn ông không vắng nhà thì thường mời đàn ông họp, trừ trường hợp mà đàn ông bận không đi hoặc đi làm ăn xa thì phụ nữ mới đi”. Anh giải thích: “đàn ông là chủ hộ nên tiện quyết định các vấn đề”. Như vậy, việc không đứng tên là chủ hộ đã làm hạn chế cơ hội phụ nữ tham gia các cuộc họp ở thôn bản. Những phụ nữ trẻ tuổi cũng ít đi họp vì những người lớn tuổi trong gia đình (bố mẹ của họ) thường đại diện để tham gia các cuộc họp đó. Đối với việc bầu trưởng thôn, mỗi gia đình thường cử một người đại diện (thường là chủ hộ) tham gia cuộc họp. Vì thế, phụ nữ (nhất là phụ nữ trẻ không phải là người chủ hộ trong gia đình) có cơ hội tham gia bầu cử trưởng thôn hơn so với nam giới. Đây cũng là mối quan ngại được chỉ ra trong nghiên cứu của Andrew Wells-Dang và các cộng sự, theo đó, tỷ lệ nam giới đi bầu cử trưởng thôn hoặc tổ trưởng dân phố ở Việt Nam là áp đảo so với tỷ lệ này ở phụ nữ [1].

Một lý do phổ biến khác khiến phụ nữ không tham gia các cuộc họp ở địa phương là do họ “không có thời gian tham gia” (chiếm 41%). Theo Oxfam và các đối tác, vai trò nội trợ của phụ nữ làm hạn chế việc tiếp cận và có các cơ hội trong xã hội của họ [11]. Nghiên cứu của Lê Thị Đan Dung và Vũ Thị Thanh với phụ nữ dân tộc Thái và Hmông ở huyện Mường Lát (Thanh Hóa) cũng chỉ ra rằng, định kiến giới gắn vai trò của phụ nữ với các trách nhiệm chăm sóc gia đình đã làm cản trở họ tham gia các cuộc họp ở cộng đồng [3]. Ngoài ra, đối với những phụ nữ được khảo sát tại Lai Châu, có khoảng 1/4 phụ nữ cho biết, nguyên nhân khiến họ ít hoặc không tham gia các cuộc họp là do “không biết thông tin về các cuộc họp” (chiếm 25,6%). Điều đó cho thấy, việc thiếu tiếp cận thông tin cũng là một yếu tố cản trở cơ hội tham gia vào quá trình ra quyết định tại địa phương của phụ nữ DTTS.

Hình 2: Lý do khách quan khiến phụ nữ “ít khi” hoặc “chưa bao giờ” tham gia các cuộc họp tại địa phương (%).



Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài ở Lai Châu năm 2019.

Thứ hai, về các yếu tố chủ quan, nghiên cứu này tập trung vào các yếu tố xuất phát từ bản thân và năng lực của phụ nữ DTTS làm cản trở khả năng tham gia xã hội của họ. Nghiên cứu của Oxfam và các đối tác về bình đẳng giới trong cộng đồng DTTS đã chỉ ra rằng, những khó khăn đặc biệt mà phụ nữ DTTS thường đề cập đến chính là việc không biết chữ và tiếng phổ thông. Điều này làm hạn chế sự tự tin và tham gia của phụ nữ DTTS vào các cuộc họp, các hoạt động xã hội và nó cũng khiến cho phụ nữ không phản ánh được nguyện vọng của mình tới những bên liên quan [11]. Việc không biết tiếng phổ thông cũng là rào cản đối với phụ nữ khi tham gia các cuộc họp địa phương ở Lai Châu. Có khoảng 1/4 phụ nữ tham gia nghiên cứu này cho biết, lý do họ ít hoặc chưa bao giờ tham gia các cuộc họp ở địa phương là không biết tiếng phổ thông (chiếm 25,6%). Một phụ nữ (35 tuổi, dân tộc Thái, xã Phúc Than) cho biết: “Cán bộ có người nói tiếng Thái, có người nói tiếng Kinh. Vì nhiều phụ nữ Thái biết tiếng Kinh nên nhiều khi họp không có phiên dịch. Mình không biết tiếng thì mình nghe nhưng không hiểu lắm”.

Mặc dù, tại hai địa bàn được khảo sát có cả người Thái và người Hmông sinh sống phần lớn các cán bộ xã là người dân tộc Thái, vì thế họ gặp khó khăn khi triển khai hoạt động tại các buổi họp thôn bản của người dân tộc Hmông. Một cán bộ phụ nữ Phúc Than cho biết, khi triển khai các hoạt động xuống bản của người dân tộc Hmông thì chị phải nhờ đến các chi hội trưởng là người dân tộc Hmông giúp phiên dịch hoặc nhờ cán bộ thôn bản là người Hmông triển

khai giúp. Tuy nhiên, chị cũng bày tỏ quan ngại về độ chính xác, đầy đủ thông tin khi phải triển khai các hoạt động qua phiên dịch. Đây cũng là khó khăn phổ biến mà phụ nữ dân tộc Hmông nhiều địa phương ở Việt Nam gặp phải được đề cập đến trong các nghiên cứu khác [3].

Việc không biết tiếng phổ thông khiến phụ nữ thiếu tự tin để tham gia và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp. Nghiên cứu của Oxfam và các đối tác cũng chỉ ra rằng sự tham gia của phụ nữ DTTS ở các cuộc họp cấp thôn bản hạn chế cả về mặt số lượng và chất lượng so với nam giới và điều này được giải thích là do sự thiếu tự tin và khả năng sử dụng tiếng phổ thông của phụ nữ DTTS [11]. Một phụ nữ dân tộc Hmông (22 tuổi) tham gia thảo luận nhóm phụ nữ ở xã Khoen On giải thích lý do phụ nữ không phát biểu tại các cuộc họp: “Phụ nữ không phát biểu vì ngại. Không biết tiếng Kinh nên không nói vì nói thì sợ nói sai”. Tương tự, một phụ nữ dân tộc Thái (35 tuổi) tham gia thảo luận nhóm nữ ở xã Phúc Than cũng cho biết: “Đi họp thôn bản không phát biểu bao giờ vì không biết tiếng Kinh”.

Khả năng của phụ nữ DTTS có ảnh hưởng tới tính tích cực, chủ động của họ khi tham gia các cuộc họp ở địa phương. Các kết quả so sánh cho thấy, những phụ nữ không đi học có tỷ lệ “ít khi” hoặc “không bao giờ” phát biểu ý kiến tại các cuộc họp cao hơn hẳn so với tỷ lệ này của phụ nữ có đi học. Tương tự như vậy, phụ nữ không biết tiếng phổ thông có tỷ lệ “ít khi” hoặc “không bao giờ” phát biểu ý kiến tại các cuộc họp cao hơn so với phụ nữ có biết tiếng phổ thông.

Bảng 3: Tần suất phụ nữ phát biểu ý kiến khi tham gia các cuộc họp ở địa phương chia theo học vấn và khả năng sử dụng tiếng phổ thông (%)

		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Chưa bao giờ
Học vấn ***	Không đi học	0,0	4,6	10,2	85,2
	Có đi học	7,9	39,5	19,7	32,9
Khả năng sử dụng tiếng phổ thông ***	Biết tiếng phổ thông	0,0	3,1	16,3	80,6
	Không biết tiếng phổ thông	7,0	37,2	11,6	44,2

Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài ở Lai Châu năm 2019

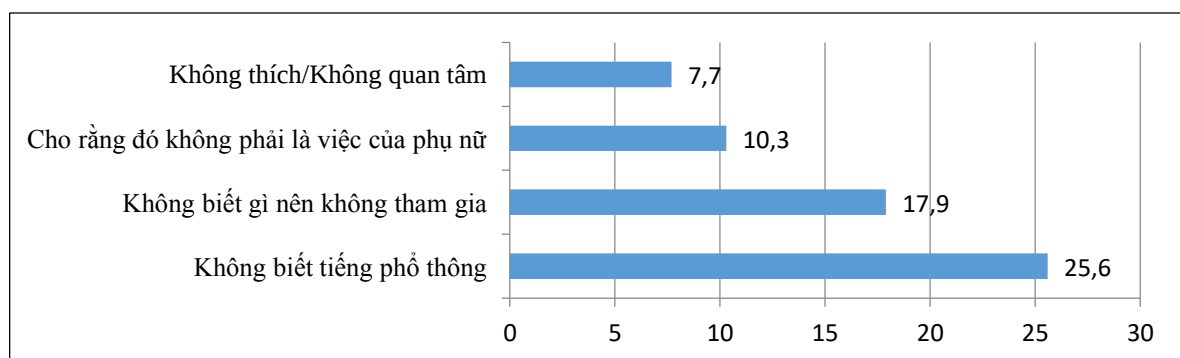
Ghi chú: ** P<0,001

Sự hạn chế về khả năng đôi khi cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả tham gia các cuộc họp, bởi phụ nữ không hiểu rõ các nội dung thông tin được truyền đạt, không ghi chép được và do đó họ không ghi nhớ được thông tin. Một phụ nữ (22 tuổi, dân tộc Hmông, xã Khoen On) chia sẻ rằng, chị đã đi họp bản vài lần nhưng “không nhớ cuộc họp nói về gì, vì mình không hiểu rõ. Người ta gọi đi họp thì đi thôi”.

Ngoài ra, một số nguyên nhân xuất phát từ

phía bản thân phụ nữ khiến họ ít tham gia hoặc không tham gia vào các cuộc họp ở địa phương, còn do họ thiếu động lực hoặc thiếu tự tin. Ví dụ như: “Không biết gì nên không tham gia” (chiếm 17,9%); do: “Đó không phải là việc của phụ nữ” (chiếm 10,3%) hoặc do họ “không thích/ không quan tâm” (chiếm 7,7%). Một phụ nữ (22 tuổi, dân tộc Hmông, Khoen On) cho biết: “Họp bản thì chồng đi vì mình không muốn đi họp”.

Hình 3: Lý do chủ quan khiến phụ nữ “ít khi” hoặc “chưa bao giờ” tham gia các cuộc họp tại địa phương (%)

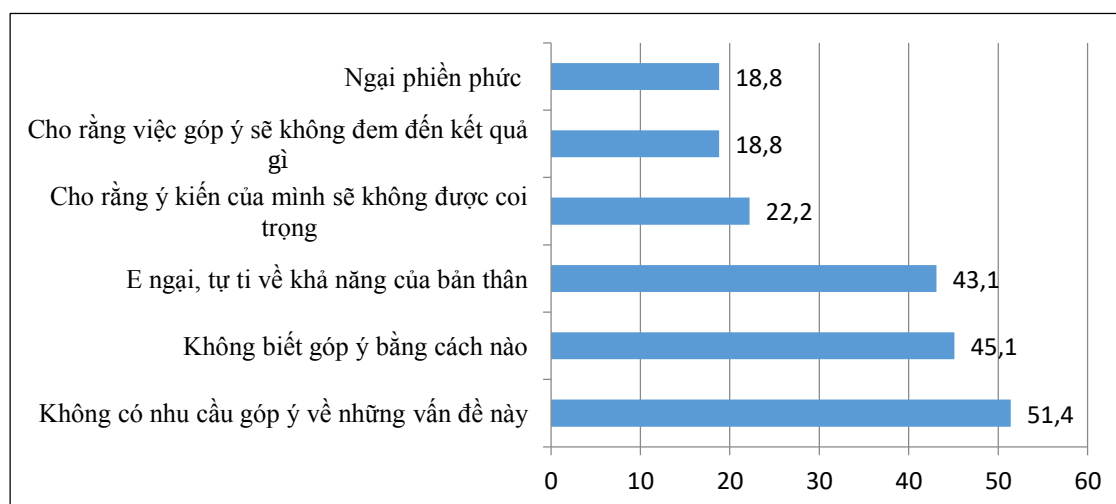


Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài ở Lai Châu năm 2019

Tìm hiểu lý do phụ nữ không bao giờ/ ít khi phát biểu tại các cuộc họp ở địa phương, kết quả khảo sát tại Lai Châu cho thấy, lý do phổ biến nhất là do “Không có nhu cầu góp ý về những vấn đề này” (51,4%) hoặc “không biết góp ý bằng cách nào/góp ý cho ai” (45,1%). Đáng chú ý, có 43,1% cho biết họ không phát biểu do e ngại, tự ti về khả năng của bản thân. Theo chia sẻ của cán bộ xã Khoen On, phụ nữ đi họp chủ yếu là ngồi nghe. Những người phụ nữ phát biểu thường là những người chi hội trưởng phụ nữ. Đối

với những người phụ nữ bình thường, trừ khi có những sự việc liên quan trực tiếp đến gia đình họ thì họ mới phát biểu. Theo cán bộ phụ nữ xã Phúc Than, do trình độ của phụ nữ hạn chế nên họ e ngại, sợ phát biểu không đúng nên không dám phát biểu. Một phụ nữ (35 tuổi, dân tộc Thái, xã Phúc Than) cũng cho biết, lý do chị không phát biểu là vì: “Không tự tin dùng tiếng phổ thông vì xấu hổ... Không phát biểu vì sợ nhớ nói sai, nói thì người ta lại hỏi thêm nhiều câu khác thì mình sợ”.

Hình 4: Lý do phụ nữ “ít khi” hoặc “chưa bao giờ” phát biểu ý kiến tại các cuộc họp địa phương (%)



Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài ở Lai Châu năm 2019

Trong khung phân tích về hòa nhập xã hội của Ngân hàng Thế giới, các yếu tố góp phần tạo dựng nên sự hòa nhập xã hội bao gồm: cơ hội, năng lực và phẩm giá (liên quan đến sự thừa nhận và tôn trọng) [18, tr.101]. Thái độ và quan niệm có ảnh hưởng đến sự hòa nhập xã hội vì nó có thể chi phối các hành vi tiềm năng của con người. Sự hòa nhập hay tách biệt xã hội của một nhóm chịu sự chi phối bởi thái độ của mọi người đối với họ cũng như thái độ của họ đối với chính bản thân mình. Thái độ và quan niệm

này cũng ảnh hưởng tới các cá nhân [18]. Theo Liên Hợp Quốc, phụ nữ và trẻ em gái là nhóm chịu bất lợi nhiều nhất trong cộng đồng DTTS do việc tiếp cận cơ hội, thể hiện tiếng nói của bản thân và nguyên nhân của tình trạng này được lý giải một phần từ các quan niệm xã hội [14]. Khi xem xét sự hòa nhập xã hội trên phương diện tham gia vào quá trình ra quyết định tại địa phương, đề tài này đã tìm hiểu quan điểm/ định kiến về vai trò, khả năng của phụ nữ đối với việc tham gia vào các quyết định của cộng đồng.

Kết quả khảo sát ở Lai Châu cho thấy, bản thân phụ nữ có xu hướng đề cao khả năng tham gia vào quá trình ra quyết định ở cộng đồng của nam giới nhiều hơn là của nữ giới. Tỷ lệ phụ nữ tán đồng với quan điểm cho rằng “đàn ông là những người có hiểu biết hơn, vì vậy họ là những người nên tham gia vào việc đưa ra quyết định tại cộng đồng”

chiếm 55,3%, chỉ có 17,0% phụ nữ “không đồng ý” với quan điểm này. Trong khi đó, tỷ lệ phụ nữ “đồng ý” hoặc “đồng ý một phần” với quan điểm cho rằng “Phụ nữ chỉ nên quan tâm đến công việc nội trợ, không nên tham gia vào các quyết định ở cộng đồng, địa phương” là khá cao, chiếm lần lượt là 37,4% và 32,8%.

Bảng 4: Mức độ tán đồng với các quan điểm về vai trò giới (%)

	Không đồng ý	Đồng ý một phần	Đồng ý
Phụ nữ chỉ nên quan tâm đến công việc nội trợ, không nên tham gia vào các quyết định ở cộng đồng, địa phương	29,7	37,4	32,8
Đàn ông là những người có hiểu biết hơn, vì vậy họ là những người nên tham gia vào việc đưa ra quyết định tại cộng đồng	17,0	27,7	55,3

Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài ở Lai Châu năm 2019

Kết quả nghiên cứu định tính với một số phụ nữ dân tộc Hmông ở xã Khoen On cho thấy, chồng của các chị thường tham gia các cuộc họp ở thôn bản. Điều này được giải thích là do “Ở đây chồng đi họp vì chồng biết nhiều hơn” (nữ, 32 tuổi, dân tộc Hmông, Khoen On). Nghiên cứu của Oxfam và các đối tác đã chỉ ra rằng, việc giao tiếp, quan hệ xã hội nhiều đem đến thông tin, sự hiểu biết nhiều hơn cho nam giới và do đó họ có nhiều lợi thế hơn so với phụ nữ [11]. Ngược lại, việc ít tham gia xã hội khiến phụ nữ có ít thông tin và do đó họ phụ thuộc vào nam giới trong việc đưa ra các quyết định. Phụ nữ có xu hướng tự ti về khả năng của mình và cho rằng, nam giới có khả năng tốt hơn, vì thế họ nên tham gia các hoạt động của cộng đồng. Đặc biệt, một số phụ nữ từ nơi khác về làm dâu rất ngại việc phát biểu ý kiến tại các cuộc họp thôn bản, bởi họ sợ bị người khác đánh giá mình. Một phụ nữ (33 tuổi, dân tộc Hmông,

Khoen On) cho biết: “Em đi họp em không nói gì. Vì em về đây làm dâu nên em ngại nói ý kiến của mình vì sợ mọi người nói nên mọi người quyết như thế nào thì em theo, bảo phải đóng góp bao nhiêu thì em đóng chứ em không dám nói gì”.

Các kết quả thảo luận nhóm nam giới cho thấy, nam giới cũng cho rằng, phụ nữ ở địa phương phát biểu tại các cuộc họp ít hơn so với nam giới là do phụ nữ ít ra ngoài, ít có trải nghiệm và ít hiểu biết hơn so với nam giới: “Đàn bà thì có thể biết nói nhưng hiểu thì không hiểu hết. Những điều quan trọng thì chắc họ cũng ít biết hơn so với nam giới... Nam giới họ phát biểu vì họ mạnh dạn hơn còn phụ nữ ít nói, nói vài câu, không nói được nhiều, nhiều việc nó (phụ nữ) không được trải qua thì nó không nói được” (Nam, 51 tuổi, dân tộc Thái, Phúc Than). “Con trai biết nhiều kiến thức hơn con gái... Con gái biết ít hơn nên không hiểu rõ nên không tham gia bàn bạc,

quyết định với mọi người được” (Nam, 39 tuổi, dân tộc Thái, Phúc Than).

Theo phản ánh của một cán bộ hội phụ nữ huyện Than Uyên, sự tồn tại của tư tưởng trọng nam khinh nữ, coi “phụ nữ chỉ cần quần quanh bếp núc” khiến cho phụ nữ bị tự ti, an phận. Chị giải thích: “Các quyết định ở cộng đồng phần lớn là do đàn ông... Do phụ nữ nhiều khi còn e ngại, rồi là cảm thấy chưa tự tin cho lắm, cái thiếu tự tin là cái phần lớn”. Chị cũng bày tỏ mong muốn về việc tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng giao tiếp giúp chị em tự tin, phát biểu ý kiến tại đám đông để phụ nữ có thể tham gia một cách chủ động, tích cực hơn vào các hoạt động của cộng đồng, địa phương.

4. Kết luận

Việt Nam đã có những cam kết, nỗ lực phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững được đưa ra trong Chương trình nghị sự 2030. Tuy nhiên, thực trạng hòa nhập xã hội của phụ nữ DTTS ở Lai Châu cho thấy còn nhiều thách thức để có thể đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, nhất là mục tiêu về sự tham gia toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội (SDG10). Sự tham gia vào quá trình ra quyết định ở cộng đồng của phụ nữ DTTS còn khá hạn chế. Đặc biệt, phụ nữ dân tộc Hmông tham gia và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp ít hơn so với phụ nữ dân tộc Thái. Phụ nữ trẻ tuổi có tỷ lệ tham gia các cuộc họp ở địa phương ít hơn phụ nữ trung tuổi bởi các gia đình thường có xu hướng cử những người chủ trong gia đình (thường là những người nhiều tuổi hơn) tham gia các hoạt động này.

Những định kiến giới gắn phụ nữ với những trách nhiệm gia đình và không đề

cao tiếng nói của phụ nữ đã gây cản trở sự tham gia của phụ nữ vào quá trình ra quyết định ở cộng đồng. Những định kiến này hiện vẫn tồn tại trong tư tưởng của cả phụ nữ và nam giới DTTS. Quan điểm coi sự tham gia và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp là công việc của đàn ông khiến phụ nữ e ngại phát biểu ý kiến, thể hiện quan điểm của mình. Việc không biết tiếng phổ thông, không biết chữ, thiếu trải nghiệm với xã hội bên ngoài khiến phụ nữ có ít thông tin và điều này làm cản trở sự chủ động, tích cực tham gia các cuộc họp tại cộng đồng. Bên cạnh đó, việc phụ nữ không là chủ hộ cũng gây ảnh hưởng đến cơ hội tham gia vào các cuộc họp ở địa phương và bàn bạc, ra các quyết định ở cộng đồng bởi những người tham gia các hoạt động này thường là nam giới do họ là chủ hộ.

Để tăng cường cơ hội và khả năng cho phụ nữ DTTS tham gia vào quá trình ra quyết định ở cộng đồng, chính quyền địa phương cần khuyến khích các thành viên gia đình có sự luân phiên tham gia các cuộc họp ở địa phương để mọi người, cả nam và nữ, ở các nhóm tuổi từ thanh niên đến người cao tuổi đều có cơ hội và trách nhiệm tham gia, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp ở địa phương. Cán bộ địa phương cũng cần được nâng cao nhận thức, kỹ năng về lồng ghép giới để họ có ý thức và chủ động lồng ghép vấn đề giới khi xây dựng chính sách cũng như khi trao đổi, thảo luận về việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại các cuộc họp ở cộng đồng địa phương. Đồng thời, cần triển khai các khóa dạy tiếng phổ thông và tập huấn các kỹ năng mềm cho phụ nữ DTTS, nhất là các kỹ năng về giao tiếp để nâng cao sự tự tin, thúc đẩy họ tích cực phát biểu, thể hiện ý kiến, quan điểm trước đám đông (ví dụ: tại các cuộc họp

thôn bản) và có thể chủ động phản ánh nhu cầu, nguyện vọng của mình tới các bên liên quan.

Tài liệu tham khảo

- [1] Andrew Wells-Dang, Lê Kim Thái, Nguyễn Trần Lâm (2015), “Uy tín và Cơ cấu: Sự tham gia của người dân và bầu cử địa phương ở Việt Nam”, *Báo cáo nghiên cứu chính sách về Quản trị và Tham gia do Oxfam Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc phối hợp thực hiện*, Hà Nội.
- [2] Trần Văn Bình (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Lê Thị Đan Dung, Vũ Thị Thanh (2019), “Tiếp cận y tế, giáo dục và thông tin của phụ nữ dân tộc thiểu số ở tỉnh Thanh Hóa”, *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 3 (102).
- [4] Vương Xuân Tình (2018), *Quan hệ giữa tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] UNDP, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2016), *Tăng trưởng vì mọi người: Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2015 về tăng trưởng bao trùm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Bonnin, C., & Turner, S. (2014), “A good wife stays home”: gendered negotiations over state agricultural programmes, upland Vietnam”, *Gender, Place & Culture*, 21(10), 1302-1320.
- [7] Oxfam (2017), *Even it up: How to tackle inequality in Vietnam*, Labor & Social Publishing House, Hanoi.
- [8] Committee for Ethnic Minority Affairs, Irish Aid, & UN Women (2019), *Guidelines for the Promotion and Implementation of Gender Responsive Budgeting in the Socio-Economic Development Programme for the Most Disadvantaged Communes in Ethnic Minority and Mountainous Areas*. Ha Noi: UN Women, <https://vietnam.un.org/en/13982-guidelines-promotion-and-implementation-gender-responsive-budgeting-programme-135>, truy cập ngày 25/8/ 2020.
- [9] Jones, N. (2013), *Công bằng Giới: lắng nghe những mong muốn và ưu tiên của trẻ em gái H'mong ở Việt Nam*, https://vietnam.un.org/sites/default/files/2019-08/Briefing_note_Vie.pdf, truy cập ngày 30/6/2019.
- [10] Jones, N., Presler-Marshall, E., & Anh, T. T. V. (2014). Early marriage among Viet Nam's Hmong: How unevenly changing gender norms limit Hmong adolescent Nicola Jones, Elizabeth Presler-Marshall and Tran Thi Van Anh girls' options in marriage and life. In C. Report (Ed.). London: Overseas Development Institute, <https://resourcecentre.savethechildren.net/library/early-marriage-among-viet-nams-hmong-how-unevenly-changing-gender-norms-limit-hmong>, truy cập ngày 25/2/2019.
- [11] Oxfam, Action Aid, Isee, & Caritas (2010), *Báo cáo hiện trạng bất bình đẳng giới trong cộng đồng dân tộc thiểu số*, https://www.google.com/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&ved=2ahUKEwjM84_exs3vAhUsL6YKHRVaAMYQFjAAegQIAxAD&url=http%3A%2F%2Fisee.org.vn%2Fwp-content%2Fuploads%2F2018%2F11%2Fhien-trang-bat-binh-dang-gioi-trong-cong-dong-nguoi-dan-toc-thieu-so..pdf&usg=AOvVaw1rgO1TrpH-IG611wZzGET0, truy cập ngày 17/5/2019.

- [12] UN Women. (2015), Progress of the world's women 2015-2016: Transforming economies, realizing rights, <https://www.unwomen.org/en/digital-library/progress-of-the-worlds-women>, truy cập ngày 25/5/2019.
- [13] UN Women. (2016), *Báo cáo tình hình giới ở Việt Nam năm 2016*, Hà Nội: UN Women Việt Nam, https://vietnam.un.org/sites/default/files/201908/ASXH_doi_voi_PN_va_TE_gai_FULL_VIE.pdf, truy cập ngày 30 tháng 5 năm 2019.
- [14] United Nations (2016), *Báo cáo tóm tắt tình hình giới ở Việt Nam năm 2016*: “Hà Nội: Liên Hợp Quốc tại Việt Nam”, <https://vietnam.un.org/vi/resources/publications>, truy cập ngày 15/7/ 2019.
- [15] United Nations (2016), *Report on the World Social Situation 2016* "Leaving no one behind: the imperative of inclusive development", New York: Department of Economic and Social Affairs, <https://www.un.org/development/desa/publications/report-of-the-world-social-situation-2016.html>, truy cập ngày 17/8/2019.
- [16] Ủy ban dân tộc, UN Women (2015), *Tóm tắt về tình hình phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Hà Nội: Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women), https://vietnam.un.org/sites/default/files/2019-08/Briefing_note_Vie.pdf, truy cập ngày 18/3/2019.
- [17] Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Gia đình và giới, Phái đoàn liên minh châu Âu tại Việt Nam, Chính phủ Australia, & UN Women (2016), *Hướng tới bình đẳng giới tại Việt Nam: Để tăng trưởng bao trùm có lợi cho phụ nữ*, Hà Nội: UN Women, <https://vietnam.un.org/vi/13916-bao-cau-nghien-cuu-huong-toi-binh-dang-gioi-o-viet-nam-de-tang-truong-bao-trum-co-loi-cho-phu>, truy cập ngày 15/7/2019.
- [18] World Bank (2013), *Inclusion Matters: The Foundation for Shared Prosperity*. Washington, D.C.: The World Bank, <https://www.google.com/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&cad=rja&uact=8&ved=2ahUKEwj3vaOTyc3vAhVhNKYKHWNjBFsQFjAAegQIBBAD&url=https%3A%2F%2Fopenknowledge.worldbank.org%2Fhandle%2F10986%2F16195&usg=AOvVaw2xyCDySZcF3HzECT6fKBbo>, truy cập ngày 14/3/2017.
- [19] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyet-dinh-622-QD-TTg-2017-Ke-hoach-hanh-dong-quoc-gia-thuc-hien-Chuong-trinh-nghi-su-2030-348831.aspx>, truy cập ngày 18/9/2018.